

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HẢI HẬU  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 197/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 9 - 2021

V/v ly hôn giữa chị H và anh D

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Trung Kiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lưu Văn Đề;

Ông Đỗ Việt Hùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đình – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa**

Bà Nguyễn Thị Huê – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2021/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2021/QĐXXST-HNGĐ và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 65/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Triệu Thị H, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Xóm 4 (xóm Q), xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; địa chỉ liên lạc: Ki ốt 5, CT6A, phường K, quận H, Thành phố Hà Nội. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn D, sinh năm 1979; địa chỉ: Xóm 4 (xóm Q), xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 06/6/2021 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Triệu Thị H trình bày:*

Chị và anh D kết hôn ngày 17/02/2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng thường xuyên đi làm ăn xa. Từ năm 2012 đến năm 2014 đi làm ăn tại thị trấn Simacai, huyện Simacai, tỉnh Lào Cai. Đến năm 2015 vợ chồng chuyển về Hà Nội làm ăn, thuê nhà trọ chung sống. Chị bán hàng tại 01 Cửa hàng rau củ quả sạch, còn anh D lái xe tắc xi. Trong quá

trình chung sống do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau. Từ ngày 16/5/2021 vợ chồng ly thân, thuê nhà trọ mỗi người ở riêng một nơi. Đến nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên xin ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ An A, sinh ngày 16/11/2012. Từ tháng 11/2020 đến nay vợ chồng đưa con về quê chồng tại xóm 4, xã H gửi ông bà nội nuôi hộ. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con để có điều kiện chăm sóc cho con được tốt hơn vì ông bà nội tuổi đã cao, còn anh D cũng thường xuyên đi làm xa nhà, mọi việc nuôi con đều phó thác cho ông bà nên chị không yên tâm và cháu A cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Hiện nay chị đang bán hàng thuê cho 01 Cửa hàng rau củ quả sạch tại Hà Nội có thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng, chị đảm bảo đủ điều kiện kinh tế và thời gian để nuôi con; chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng cho con, còn cho con thế nào là tùy anh D.

Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản chung: Vợ chồng đã tự thỏa thuận giải quyết xong nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 06/7/2021 và lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Đỗ Văn D trình bày:*

Anh thống nhất với chị H về thời gian kết hôn và quá trình chung sống vợ chồng, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn và thời gian vợ chồng sống ly thân đúng như chị H trình bày. Sau khi ly thân vợ chồng vẫn mâu thuẫn căng thẳng không hàn gắn được tình cảm. Đến nay chị H làm đơn xin ly hôn anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh thống nhất với chị H, vợ chồng có 01 con chung hiện đang ở với anh, anh gửi bố mẹ đẻ anh giúp đỡ chăm sóc, nuôi dưỡng con khi anh đi làm xa. Hiện anh đang làm việc cho hai Công ty tại Hà Nội về vận tải và xây dựng, thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng. Tại bản tự khai và khi hòa giải với chị H tại Tòa án, anh D yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Tại đơn đề nghị ngày 24/9/2021 anh D thay đổi ý kiến, anh đồng ý để cho chị H trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên thỏa thuận sau, anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản chung: Anh thống nhất với chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; cho ly hôn giữa chị Triệu Thị H và anh Đỗ Văn D; giao cháu Đỗ An A cho chị Triệu Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; anh D không phải

cấp dưỡng nuôi con. Chị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Triệu Thị H và bị đơn anh Đỗ Văn D đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H, anh D theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị H và anh Đỗ Văn D có đăng ký kết hôn ngày 17/02/2012 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên đi làm ăn xa. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hoà hợp, bất đồng về quan điểm sống. Từ ngày 16/5/2021 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay chị H xin ly hôn, anh D cũng nhất trí. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H, anh D đã căng thẳng, đến nay cả hai bên đều không còn thiết tha hoà giải đoàn tụ vợ chồng. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Triệu Thị H đối với anh Đỗ Văn D là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung: Chị H và anh D thống nhất vợ chồng có 01 con chung chưa thành niên là cháu Đỗ An A, sinh ngày 16/11/2012 hiện đang ở với anh D và bố mẹ đẻ anh D. Chị H có yêu cầu được trực tiếp nuôi con, anh D cũng có nguyện vọng được nuôi con nhưng sau đó thay đổi ý kiến đồng ý để cho chị H trực tiếp nuôi con; mặt khác cháu A cũng có nguyện vọng được ở với mẹ; hiện tại chị H cũng có công việc và thu nhập ổn định. Do đó để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên giao cho chị H trực tiếp nuôi cháu A là phù hợp quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về việc cấp dưỡng nuôi con do chị H tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản: Chị H và anh D thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nghĩa vụ về tài sản khi ly hôn nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Triệu Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Triệu Thị H và anh Đỗ Văn D.

2. Về việc nuôi con chung: Giao cháu Đỗ An A, sinh ngày 16/11/2012 cho chị Triệu Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động tự lập được hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Đỗ Văn D không phải phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con của chị Triệu Thị H.

Buộc anh Đỗ Văn D có nghĩa vụ giao con chung là cháu Đỗ An A cho chị Triệu Thị H.

3. Về án phí : Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự ; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Triệu Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0002687 ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị Triệu Thị H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự: 02 bản;
- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND huyện Hải Hậu: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 01 bản;
- UBND xã H: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Phạm Trung Kiên**